

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xuân Mồ	Chủ tịch
Ông Bùi Công Toanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Ngô Giang Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Phước	Ủy viên
Bà Phan Thị Hồng Dương	Trợ lý

#### Ban Giám đốc

Ông Bùi Công Toanh	Giám đốc
Ông Vương Minh Sơn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2012)
Ông Nguyễn Đình Phước	Phó Giám đốc
Ông Vương Duy Tú	Phó Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Duẩn	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Bùi Công Toanh**  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2013



Số: 66/5 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 23. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

*Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:*

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty hiện đang thực hiện dự án "Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát" tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng. Dự án này được thực hiện theo hợp đồng với giá trị là 153.974.274.000 VND ký với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, khối lượng thi công thực tế có giá trị là 311.615.479.703 VND (đã bao gồm thuế GTGT) do Công ty đã thực hiện một số công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết theo yêu cầu của PVC. Số tiền đã được thanh toán và tạm ứng để thực hiện hợp đồng và phần việc phát sinh ngoài hợp đồng là 278.274.015.639 VND. Đối với các công việc ngoài hợp đồng, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 chấp thuận chủ trương giải quyết các chi phí phát sinh ngoài hợp đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, phần công việc phát sinh thêm này chưa xác định được giá trị cuối cùng. Báo cáo tài chính chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến (Tiếp theo)

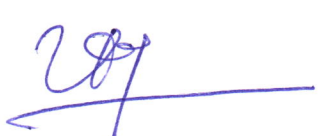
*Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau (Tiếp theo):*

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ ngắn hạn của công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 27.940.847.394 VND, số lỗ lũy kế của công ty là 108.654.805.748 VND, công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của công ty. Việc tiếp tục hoạt động của công ty phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2013, khả năng tìm kiếm các hợp đồng mới và tăng cường thu hồi nợ phải thu. Báo cáo tài chính chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 19 tháng 3 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

  
**Nguyễn Quang Trung**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

898  
TY  
HẠN  
DẦU  
TRU  
U-TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
				Trình bày lại
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>552.000.341.044</b>	<b>603.469.834.752</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>3.174.926.084</b>	<b>9.112.298.857</b>
1. Tiền	111		3.174.926.084	9.112.298.857
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>349.500.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	349.500.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>339.653.875.251</b>	<b>413.125.521.476</b>
1. Phải thu khách hàng	131		99.054.133.347	141.570.485.863
2. Trả trước cho người bán	132		19.059.959.666	31.905.673.497
3. Phải thu nội bộ	133		73.995.665.725	71.352.031.859
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	7	136.842.352.027	158.058.117.845
5. Các khoản phải thu khác	135		13.138.230.489	10.888.544.963
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.436.466.003)	(649.332.551)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>173.511.342.285</b>	<b>145.049.198.202</b>
1. Hàng tồn kho	141		173.511.342.285	145.049.198.202
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.660.197.424</b>	<b>35.833.316.217</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.112.734.291	1.289.766.833
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.953.339.812	11.655.796.710
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	4.746.260.492
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		19.594.123.321	18.141.492.182
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>132.306.643.851</b>	<b>161.123.802.750</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.460.425.412</b>	<b>59.766.810.657</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	43.760.775.994	56.896.470.603
- Nguyên giá	222		91.582.292.423	95.552.445.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.821.516.429)	(38.655.974.596)
2. Tài sản cố định vô hình	227		49.557.498	70.051.250
- Nguyên giá	228		94.013.021	94.013.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.455.523)	(23.961.771)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.650.091.920	2.800.288.804
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>75.731.522.153</b>	<b>84.100.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	22.800.000.000	22.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	11.300.000.000	11.300.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	10	(8.368.477.847)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.114.696.286</b>	<b>17.256.992.093</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		10.114.696.286	17.256.992.093
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>684.306.984.895</b>	<b>764.593.637.502</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
				Trình bày lại
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>639.570.206.682</b>	<b>608.931.891.080</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>579.941.188.438</b>	<b>535.733.317.008</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	149.606.851.916	140.628.700.022
2. Phải trả người bán	312		169.032.872.172	191.273.685.267
3. Người mua trả tiền trước	313	14	204.269.810.821	154.805.935.124
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		931.188.395	1.460.986.502
5. Phải trả người lao động	315		552.454.892	5.884.953.213
6. Chi phí phải trả	316		40.202.981.781	31.223.372.938
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		15.413.810.206	11.293.868.573
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(68.781.745)	(838.184.631)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>59.629.018.244</b>	<b>73.198.574.072</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	59.629.018.244	73.238.537.431
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	(39.963.359)
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>44.736.778.213</b>	<b>155.661.746.422</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>44.736.778.213</b>	<b>155.661.746.422</b>
1. Vốn điều lệ	411	16	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	1.037.168.132	430.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	2.354.415.829	1.100.000.000
4. (Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	(108.654.805.748)	4.131.746.422
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>684.306.984.895</b>	<b>764.593.637.502</b>

Bùi Công Toanh  
Giám đốcLê Trí Tài  
Kế toán trưởngĐỗ Thị Thu Hà  
Người lập

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
				Trình bày lại
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	96.982.108.591	927.771.317.752
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	132.900.803.273	827.815.064.501
3. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(35.918.694.682)	99.956.253.251
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.321.260.318	5.536.811.752
5. Chi phí tài chính	22		39.093.252.784	41.462.109.006
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.290.136.399	41.270.644.006
6. Chi phí bán hàng	24		98.357.342	793.764.336
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.495.203.910	36.854.875.325
8. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-(24+25))	30		(107.284.248.400)	26.382.316.336
9. Thu nhập khác	31		843.126.655	5.371.747.077
10. Chi phí khác	32		3.438.499.942	3.141.212.822
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.595.373.287)	2.230.534.255
12. Tổng (Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(109.879.621.687)	28.612.850.591
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	6.481.104.169
14. Lỗ/(Lợi nhuận) sau thuế TNDN (60=50-51)	60		(109.879.621.687)	22.131.746.422
15. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	(7.325)	1.475



Bùi Công Toanh  
Giám đốc

Lê Trí Tài  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hà  
Người lập

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	
		2012	Trình bày lại
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(109.879.621.687)</b>	<b>28.612.850.591</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	10.712.454.494	11.056.114.307
- Các khoản dự phòng	03	9.635.755.250	700.199.617
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.321.263.158)	(3.750.409.643)
- Chi phí lãi vay	06	29.290.136.399	41.270.644.006
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(62.562.538.702)</b>	<b>77.889.398.878</b>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	70.611.422.157	(218.956.327.078)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(28.462.144.083)	(36.181.288.324)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.269.433.168	166.823.521.427
- Thay đổi chi phí trả trước	12	7.319.328.349	1.827.704.909
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.044.027.109)	(46.808.742.980)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(18.107.411.638)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.176.001.631	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.235.744.187)	(1.209.562.917)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.071.731.224</b>	<b>(74.722.707.723)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(12.697.275.334)	(107.637.508.042)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	199.754.738.328
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(349.500.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	349.500.000	-
5. Lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.321.263.158	2.621.242.977
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.026.512.176)</b>	<b>94.388.973.263</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	81.415.931.677	417.212.745.216
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(84.398.523.498)	(437.199.469.449)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	(20.070.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.982.591.821)</b>	<b>(40.056.724.233)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(5.937.372.773)</b>	<b>(20.390.458.693)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>9.112.298.857</b>	<b>29.502.757.550</b>
<b>Tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3.174.926.084</b>	<b>9.112.298.857</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm số tiền thanh toán phát sinh các năm trước là 12.647.572.218 VND.

Tiền chi trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm số tiền 1.648.775.472 VND được thanh toán thông qua hình thức bù trừ công nợ.

Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu, phải trả.



**Bùi Công Toanh**  
Giám đốc

**Lê Trí Tài**  
Kế toán trưởng

**Đỗ Thị Thu Hà**  
Người lập

Ngày 19 tháng 3 năm 2013



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

##### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4300368987 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 5 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 433 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 549 người).

##### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản;

#### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

##### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ ngắn hạn của công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 27.940.847.394 VND, số lỗ lũy kế của công ty là 108.654.805.748 VND, công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của công ty. Ban Giám đốc Công ty đã có kế hoạch tìm kiếm thêm các hợp đồng xây lắp mới, cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng, tăng cường việc thu hồi nợ phải thu...Ban Giám đốc tin tưởng công ty sẽ tạo đủ nguồn tiền để tự tài trợ cho hoạt động của mình. Vì vậy, báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp và chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên

##### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng,

##### **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2012</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

##### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản lỗ tính thuế là khoảng 102 tỷ VND có thể mang sang để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong vòng 5 năm tới. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước nêu tại báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 10 năm 2012. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch
		31/12/2011	31/12/2011	
		trước điều chỉnh hồi tố	sau điều chỉnh hồi tố	
Phải thu khách hàng (i)	131	139.573.379.863	141.570.485.863	1.997.106.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(1.169.188.600)	(649.332.551)	519.856.049
Hàng tồn kho	141	144.786.186.623	145.049.198.202	263.011.579
Tài sản cố định hữu hình (ii)	221	54.217.704.454	56.896.470.603	2.678.766.149
- Nguyên giá	222	92.519.879.747	95.552.445.199	3.032.565.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(38.302.175.293)	(38.655.974.596)	(353.799.303)
Chi phí trả trước dài hạn (ii)	261	19.896.942.334	17.256.992.093	(2.639.950.241)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	571.933.500	1.460.986.502	889.053.002
Phải trả người lao động	315	5.917.015.509	5.884.953.213	(32.062.296)
Chi phí phải trả	316	30.486.390.045	31.223.372.938	736.982.893
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2.906.930.485	4.131.746.422	1.224.815.937

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Số liệu năm 2011	Số liệu năm 2011	Chênh lệch
		trước điều chỉnh hồi tố	sau điều chỉnh hồi tố	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (i)	10	926.222.930.479	927.771.317.752	1.548.387.273
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp (i)	11	825.270.652.274	827.815.064.501	2.544.412.227
Chi phí tài chính	22	43.532.549.919	41.462.109.006	(2.070.440.913)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	37.413.547.282	36.854.875.325	(558.671.957)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.072.832.190	6.481.104.169	408.271.979

(i) Bao gồm phần điều chỉnh bổ sung doanh thu và giá vốn năm 2011 với số tiền lần lượt là 1.469.387.273 VND và 736.982.893 VND.

(ii) Bao gồm phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn sang tài sản cố định hữu hình với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 3.032.565.452 VND.

**6. TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	431.774.117	292.846.557
Tiền gửi ngân hàng	2.743.151.967	8.819.452.300
	<b>3.174.926.084</b>	<b>9.112.298.857</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU THEO TIỀN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công trình Nhà máy điện Vũng áng Hà Tĩnh	99.703.429.487	110.804.999.557
Công trình Nhà máy đóng tàu Vinashin	22.727.272.727	22.727.272.727
Các công trình khác	14.411.649.813	24.525.845.561
	<b>136.842.352.027</b>	<b>158.058.117.845</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	Trình bày lại VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.593.750.965	7.269.473.473
Công cụ, dụng cụ	858.804.806	811.048.806
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	163.309.205.655	124.926.548.880
Thành phẩm	3.749.580.859	3.854.462.252
Hàng hóa	-	8.187.664.791
	<b>173.511.342.285</b>	<b>145.049.198.202</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>173.511.342.285</b>	<b>145.049.198.202</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2012	19.257.925.052	47.756.052.028	20.743.146.092	1.297.553.440	6.497.768.587	95.552.445.199
(Trình bày lại)						
Mua sắm mới	-	180.900.000	-	19.000.000	-	199.900.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.170.052.776)	-	-	(4.170.052.776)
Tại ngày 31/12/2012	<b>19.257.925.052</b>	<b>47.936.952.028</b>	<b>16.573.093.316</b>	<b>1.316.553.440</b>	<b>6.497.768.587</b>	<b>91.582.292.423</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2012	4.685.837.574	19.975.359.651	10.312.812.069	827.085.288	2.854.880.014	38.655.974.596
(Trình bày lại)						
Khấu hao trong năm	898.557.765	5.676.000.654	2.823.433.001	307.045.001	986.924.321	10.691.960.742
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.526.418.909)	-	-	(1.526.418.909)
Tại ngày 31/12/2012	<b>5.584.395.339</b>	<b>25.651.360.305</b>	<b>11.609.826.161</b>	<b>1.134.130.289</b>	<b>3.841.804.335</b>	<b>47.821.516.429</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 31/12/2012	<b>13.673.529.713</b>	<b>22.285.591.723</b>	<b>4.963.267.155</b>	<b>182.423.151</b>	<b>2.655.964.252</b>	<b>43.760.775.994</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>14.572.087.478</b>	<b>27.780.692.377</b>	<b>10.430.334.023</b>	<b>470.468.152</b>	<b>3.642.888.573</b>	<b>56.896.470.603</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.170.301.958 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 9.738.943.994 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Khoản đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất với giá trị đầu tư là 50 tỷ VND. Thông tin về công ty con như sau :

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất	Bình Sơn, Quảng Ngãi	100%	100%	Sản xuất bao bì

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty con với số tiền 8.368.477.847 VND.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm với giá gốc khoản đầu tư là 22,8 tỷ VND. Thông tin về công ty liên kết như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	45,5	45,5	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp; kinh doanh bất động sản.

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ VND ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Ban Giám đốc tin tưởng không cần trích lập khoản dự phòng đầu tư này do đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng.

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	123.252.644.530	128.907.661.490
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	73.726.475.229	70.073.588.447
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (ii)	20.528.341.252	28.003.438.398
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (ii)	13.244.216.949	30.830.634.645
Nợ dài hạn đến hạn trả	15.753.611.100	-
	26.354.207.386	11.721.038.532
	<b>149.606.851.916</b>	<b>140.628.700.022</b>

(i): Khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng bảo lãnh số 21/2011/HĐBL.NH-PVCMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 và các phụ lục.

(ii): Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ tổ chức tín dụng và các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam, được dùng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay chịu lãi suất từ 15%/năm đến 23%/năm. Các khoản vay này được bảo đảm bằng các khoản phải thu của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Bao gồm chủ yếu khoản nhận ứng trước từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam liên quan tới dự án “Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 173.809.450.539 VND (tại 31 tháng 12 năm 2011 là 137.704.992.433 VND)

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	82.739.745.855	81.716.096.188
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	4.500.269.447	4.930.529.080
Ngân hàng TMCP Đại Dương	78.239.476.408	76.785.567.108
Nợ dài hạn khác	3.243.479.775	3.243.479.775
	<b><u>85.983.225.630</u></b>	<b><u>84.959.575.963</u></b>

Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi và mua sắm máy móc thiết bị. Các khoản vay chịu lãi suất từ 12%/năm đến 18,5%/năm. Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Dương được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	26.354.207.386	11.721.038.532
Trong năm thứ hai	16.389.541.834	12.552.765.067
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	43.239.476.410	46.737.000.915
Sau năm năm	-	13.948.771.449
	<b><u>85.983.225.630</u></b>	<b><u>84.959.575.963</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	26.354.207.386	11.721.038.532
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>59.629.018.244</u></b>	<b><u>73.238.537.431</u></b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn cổ phần**

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>150.000.000.000</b>	-	-	<b>13.683.659.809</b>
Tăng trong năm	-	430.000.000	1.100.000.000	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.131.746.422
Công bố chia cổ tức	-	-	-	(29.250.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(2.433.659.809)
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>430.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>4.131.746.422</b>
<b>Trình bày lại</b>				
Tăng trong năm (i)	-	607.168.132	1.254.415.829	-
Lỗi trong năm	-	-	-	(109.879.621.687)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	(2.906.930.483)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b><u>150.000.000.000</u></b>	<b><u>1.037.168.132</u></b>	<b><u>2.354.415.829</u></b>	<b><u>(108.654.805.748)</u></b>

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 ngày 05 tháng 5 năm 2012, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành với số tiền lần lượt là 607.168.132 VND, 1.254.415.829 VND, 940.811.870 VND và 104.534.652 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (1000 CP)	Tỷ lệ (%)	Giá trị cổ phần (VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.650	51,00%	76.500.000.000
2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	750	5,00%	7.500.000.000
3	Các cổ đông khác	6.600	44,00%	66.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>15.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 15.000.000 cổ phiếu. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012 VND	2011 Trình bày lại VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	74.433.524.263	622.303.123.045
Doanh thu hoạt động đầu tư bất động sản	-	199.754.738.328
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	22.548.584.328	105.713.456.379
	<b>96.982.108.591</b>	<b>927.771.317.752</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2012 VND	2011 Trình bày lại VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	107.943.596.473	544.638.828.761
Giá vốn hoạt động đầu tư bất động sản	-	186.394.593.148
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	24.957.206.800	96.781.642.592
	<b>132.900.803.273</b>	<b>827.815.064.501</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	2012 VND	2011 Trình bày lại VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.577.981.391	191.421.039.572
Chi phí nhân công	32.603.084.728	38.334.987.878
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.712.454.494	11.056.114.307
Chi phí sản xuất chung	8.787.388.605	45.404.171.981
Chi phí trả trước dài hạn	11.047.145.161	6.834.097.461
Chi phí thuê ngoài và chi phí bằng tiền khác	82.753.210.578	232.784.538.044
	<b>199.481.264.957</b>	<b>525.834.949.243</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2012	2011
	VND	Trình bày lại VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(109.879.621.687)</b>	<b>28.612.850.591</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.275.000.000)	(3.412.500.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	103.207.395	724.066.087
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(112.051.414.292)</b>	<b>25.924.416.678</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>6.481.104.169</b>

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

**Lợi nhuận:**

	2012	2011
	VND	Trình bày lại VND
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(109.879.621.687)	22.131.746.422
(Lỗ)/Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(109.879.621.687)	22.131.746.422
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	15.000.000
(Lỗ)/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.325)	1.475

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 15, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	209.235.870.160	213.867.237.453
Trừ: Tiền	3.174.926.084	9.112.298.857
Nợ thuần	206.060.944.076	204.754.938.596
Vốn chủ sở hữu	44.736.778.213	155.661.746.422
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	461%	132%

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	3.174.926.084	9.112.298.857
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.755.897.833	151.809.698.275
Đầu tư ngắn hạn	-	349.500.000
Đầu tư dài hạn	11.300.000.000	11.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>124.230.823.917</b>	<b>172.571.497.132</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	209.235.870.160	213.867.237.453
Phải trả người bán và phải trả khác	184.446.682.378	202.567.553.840
Chi phí phải trả	40.202.981.781	31.223.372.938
<b>Tổng cộng</b>	<b>433.885.534.319</b>	<b>447.658.164.231</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

## 22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

#### *Độ nhạy của lãi suất*

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lỗ trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng/giảm khoảng 4.316 triệu đồng.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

#### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Như trình bày tại thuyết minh số 4 Thuyết minh Báo cáo tài chính về các khoản dự phòng phải thu khó đòi, Công ty có khoản rủi ro tín dụng đến từ một số khách hàng.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2012</b>			
Tiền	3.174.926.084	-	3.174.926.084
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.755.897.833	-	109.755.897.833
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<u>112.930.823.917</u>	<u>11.300.000.000</u>	<u>124.230.823.917</u>
<b>31/12/2012</b>			
Các khoản vay và nợ	149.606.851.916	59.629.018.244	209.235.870.160
Phải trả người bán và phải trả khác	184.446.682.378	-	184.446.682.378
Chi phí phải trả	40.202.981.781	-	40.202.981.781
<b>Tổng cộng</b>	<u>374.256.516.075</u>	<u>59.629.018.244</u>	<u>433.885.534.319</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>(261.325.692.158)</u>	<u>(48.329.018.244)</u>	<u>(309.654.710.402)</u>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2011</b>			
Tiền	9.112.298.857	-	9.112.298.857
Phải thu khách hàng và phải thu khác	151.809.698.275	-	151.809.698.275
Đầu tư ngắn hạn	349.500.000	-	349.500.000
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<u>161.271.497.132</u>	<u>11.300.000.000</u>	<u>172.571.497.132</u>
<b>31/12/2011</b>			
Các khoản vay và nợ	140.628.700.022	73.238.537.431	213.867.237.453
Phải trả người bán và phải trả khác	202.567.553.840	-	202.567.553.840
Chi phí phải trả	31.223.372.938	-	31.223.372.938
<b>Tổng cộng</b>	<u>374.419.626.800</u>	<u>73.238.537.431</u>	<u>447.658.164.231</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>(213.148.129.668)</u>	<u>(61.938.537.431)</u>	<u>(275.086.667.099)</u>

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có tập trung rủi ro thanh khoản và gặp một số khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong năm 2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn,

**23. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2012, khi công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng đang trong quá trình triển khai thi công thì bất ngờ gặp sự cố. Chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc. Nhà thầu chính là Tổng Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC), đơn vị thi công phần cọc là Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và lắp máy Dầu Khí (PVC - ME) và đơn vị thi công phần thân và mặt cầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Trung (PVC - MT). Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình này đang phản ánh trên khoản mục hàng tồn kho thuộc Bảng cân đối kế toán với số tiền là 17.019.557.266 VND.

Theo Công văn số 0045/KMB-DADT ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (chủ đầu tư), nguyên nhân sự cố được xác định là do khách quan. Đến thời điểm lập báo cáo này, phần trách nhiệm của các bên liên quan đến sự cố này chưa được xác định cụ thể.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo


**24. VẤN ĐỀ KHÁC**


Công ty hiện đang thực hiện dự án “Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng. Dự án này được thực hiện theo hợp đồng với giá trị là 153.974.274.000 VND ký với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, khối lượng thi công thực tế có giá trị là 311.615.479.703 VND (đã bao gồm thuế GTGT) do Công ty đã thực hiện một số công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết theo yêu cầu của PVC. Số tiền đã được thanh toán và tạm ứng để thực hiện hợp đồng và phần việc phát sinh ngoài hợp đồng là 278.274.015.639 VND. Đối với các công việc ngoài hợp đồng, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 chấp thuận chủ trương giải quyết các chi phí phát sinh ngoài hợp đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, phần công việc phát sinh thêm này chưa xác định được giá trị cuối cùng.


**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Một số số liệu của năm trước được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.



  
Bùi Công Toanh  
Giám đốc

  
Lê Trí Tài  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Thị Thu Hà  
Người lập

Ngày 19 tháng 3 năm 2013